

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 11/2018/HNGĐ-PT

Ngày 17-5-2018

V/v Ly hôn, tranh chấp về
chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Mạnh Tăng;

Bà Nguyễn Thị Phương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình: Bà Phạm Thị Tĩnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLPT-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị L**, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H** – Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến T**, sinh năm 1974.

Địa chỉ cư trú: Khu 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Người kháng cáo: Anh **Nguyễn Tiến T** là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

+ Nguyên đơn, chị Tạ Thị L trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 29/11/1997 tại UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình. Đến năm 1999, anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn do anh T đi Lao động tại Hàn Quốc và có quan hệ với người phụ nữ khác và không có trách nhiệm với mẹ con chị L. Năm 2007, chị L sang Hàn Quốc để lao động, sinh sống cùng anh T nhưng anh T vẫn tiếp tục quan hệ với người phụ nữ khác, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Năm 2009, anh T bị bệnh suy thận phải về nước điều trị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh T.

+ Bị đơn, anh Nguyễn Tiến T trình bày: Về điều kiện, thủ tục kết hôn giữa anh và chị Tạ Thị L như chị L trình bày là đúng. Năm 1999 anh đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2007 chị L sang Hàn Quốc lao động cùng anh. Đến năm 2009 anh bị bệnh suy thận mãn tính phải về nước điều trị nhưng chị L không quan tâm và không có trách nhiệm với anh. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm, anh T đồng ý ly hôn chị L. Tại biên bản hòa giải ngày 01/12/2017 anh T không đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung: Chị L và anh T có một con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07/6/1998, hiện con chung đã trưởng thành nên chị L và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản:

+ Chị L trình bày: Chị và anh T không có tài sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Anh T trình bày: Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/11/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm, anh T xác định vợ chồng anh có tài sản chung là 17.000 USD do anh gửi về cho chị L trong thời gian anh đi lao động tại hàn Quốc và yêu cầu chị L phải trả cho anh toàn bộ số tiền 17.000 USD đó. Tại phiên hòa giải ngày 01/12/2017, anh T yêu cầu chị L trả cho anh 10.000 USD. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2017, anh T xin rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bản án số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2. Quan hệ con chung: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Tiến T có một con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07/6/1998, cháu H đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết về vấn đề con chung.

3. Quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Tiến T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/02/2018, anh Nguyễn Tiến T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 30/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, cụ thể anh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề sau:

- Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành hòa giải vụ án;
- Thời hạn xét xử là 04 tháng mà chưa đầy 02 tháng Tòa án đã xét xử vắng mặt;
- Trong thời gian chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì;
- Yêu cầu chị Nguyễn Thị L phải trả cho anh số tiền 10.000USD mà trong thời gian đi lao động tại Hàn Quốc anh đã gửi về cho chị L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T rút một phần yêu cầu kháng cáo về quan hệ tài sản; không đồng ý ly hôn chị L và giữ nguyên các yêu cầu kháng cáo khác.

Nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm về quan hệ tài sản do anh T rút kháng cáo, các yêu cầu kháng cáo khác không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Tiến T gửi đến Tòa án ngày 13/2/2018, trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì vậy kháng cáo là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành hòa giải vụ án: Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án, ngày 17/11/2017 anh

Nguyễn Tiến T đã được nhận Thông báo số 257/2017/TB-TA ngày 17/11/2017 về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 01/12/2017 anh T đã tham gia phiên họp, trình bày ý kiến và ký xác nhận vào “Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ” và “Biên bản hòa giải”. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T xác nhận đã tham gia phiên hòa giải do Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành. Như vậy việc anh T kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa hòa giải là không có căn cứ.

[2.2] Về nội dung bị đơn kháng cáo cho rằng thời hạn xét xử là 04 tháng mà chưa đầy 02 tháng Tòa án đã tiến hành xét xử: Thấy: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 07/11/2017, đến ngày 20/12/2017 ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Các trình tự tố tụng đã được thực hiện đúng theo quy định pháp luật về thụ lý, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đã đảm bảo các quyền và nghĩa vụ tố tụng cho anh T theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xét xử vụ án vào ngày 30/01/2018 là phù hợp pháp luật, không vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử. Như vậy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh T.

[2.3] Về việc anh T kháng cáo về quan hệ hôn nhân, cho rằng khi còn sống chung vợ chồng anh không có mâu thuẫn, anh không đồng ý ly hôn: Xét thấy chị L và anh T đều xác định khi anh T bị bệnh suy thận phải về nước điều trị từ năm 2010 đến nay, anh chị đã ly thân, chấm dứt mọi mối quan hệ với nhau. Anh T còn khẳng định chị L không có trách nhiệm, không quan tới việc chữa bệnh cũng như tới cuộc sống của anh. Điều đó cho thấy anh chị đã không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình là phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau... Tình trạng hôn nhân của anh chị đã lâm vào trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng đã chấm dứt trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được, như vậy Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị L được ly hôn anh T là đúng pháp luật, phù hợp tình trạng hôn nhân của anh chị tại thời điểm giải quyết yêu cầu ly hôn. Vì vậy không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo này của anh T.

[2.4] Đối với kháng cáo của anh T về quan hệ tài sản: Tại phiên tòa phúc thẩm anh T rút kháng cáo về việc yêu cầu chị L phải trả lại cho anh T số tiền 10.000 USD. Xét việc rút kháng cáo của anh T là tự nguyện, phù hợp pháp luật, hội đồng xét xử phúc thẩm cần đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về quan hệ tài sản của anh T.

[2.5] Về án phí: Do anh T rút một phần yêu cầu kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm, các yêu cầu kháng cáo khác không được chấp nhận nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 289; khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27, khoản 1, khoản 4 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tiến T về quan hệ tài sản.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2018/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị L được ly hôn anh Nguyễn Tiến T.

2.2 Về quan hệ con chung: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Tiến T có một con chung là Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày 07/6/1998, con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

2.3 Về quan hệ tài sản: Chị Tạ Thị L và anh Nguyễn Tiến T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị Tạ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008492 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Anh Nguyễn Tiến T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0008576 ngày 21/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình
- Tòa án, Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiền Hải.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Bình